

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index một lần nữa thất bại trong việc chinh phục ngưỡng 1,330. Chỉ số lùi lại sau khi chạm ngưỡng này và đóng cửa tại mốc 1,313.84 điểm, giảm hơn 9 điểm so với hôm qua. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 14/18 ngành giảm điểm, trong đó ngành Truyền thông, Hàng cá nhân & gia dụng, Công nghệ thông tin giảm mạnh nhất. Ở chiều ngược lại, ngành Bất động sản tiếp tục dẫn đầu đà tăng. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này mua ròng trên sàn HSX và bán ròng trên sàn HNX. Trong những phiên giao dịch tới, thị trường sẽ tiếp tục giao dịch trong vùng 1,310 – 1,330 để tìm điểm cân bằng mới.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều giảm theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 22/05/2025, các chứng quyền biến động theo nhịp điều chỉnh của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **-9.21** điểm, đóng cửa tại **1313.84** điểm. HNX-Index **-0.67** điểm, đóng cửa tại **216.79** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **HVN (+1.21)**, **VHM (+0.78)**, **GAS (+0.39)**, **EIB (+0.39)**, **POW (+0.25)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VPL (-2.36)**, **VIC (-0.90)**, **CTG (-0.74)**, **TCB (-0.65)**, **MBB (-0.56)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **25,054** tỷ đồng, tăng **6.28%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 26,433 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 19.13 điểm. Thị trường có **137** mã tăng, 46 mã tham chiếu, **183** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **112.84** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VIX (147.60 tỷ)**, **MWG (134.11 tỷ)**, **VHM (111.79 tỷ)**, **EIB (111.67 tỷ)**, **STB (90.21 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-51.33** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **-0.69%**. Các mã diễn biến tích cực:
DCM (+1.97%) [\(Link báo cáo\)](#)
VHM (+1.19%) [\(Link báo cáo\)](#)
BSR (+0.87%)
- BSC50 **-0.62%**. Các mã diễn biến tích cực:
DPG (+5.17%)
EIB (+4.20%) [\(Link báo cáo\)](#)
POW (+3.42%) [\(Link báo cáo\)](#)

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	-0.69%	-0.62%	-0.70%	-0.69%
1 tuần	-0.88%	-0.61%	0.05%	0.58%
1 tháng	10.54%	10.57%	9.75%	9.24%
3 tháng	9.42%	-3.40%	1.32%	4.12%

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,313.84	216.79	96.14
% 1D	-0.70%	-0.31%	0.32%
GTKL (tỷ VND)	25,054	1,406	451
%1D	6.28%	33.48%	-32.69%
GDNN (tỷ VND)	112.84	-51.33	5.83

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VIX	147.60	FPT	-131.36
MWG	134.11	VPB	-95.34
VHM	111.79	VRE	-71.22
EIB	111.67	SSI	-68.31
STB	90.21	GEX	-54.15

Thị trường thế giới

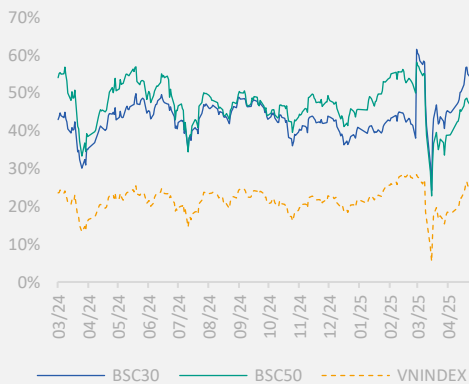
		%D	%W
SPX	5,845	-1.61%	-0.81%
FTSE100	8,720	-0.75%	1.00%
Eurostoxx	5,403	-0.89%	0.00%
Shanghai	3,380	-0.22%	-0.02%
Nikkei	36,955	-0.92%	-2.22%

Nguồn: Bloomberg

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	63.89	-1.08%
Giá vàng	3,309	-0.42%
Tỷ giá		
USD/VND	26,150	0.04%
EUR/VND	30,241	0.33%
JPY/VND	185	0.54%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	3.1%	0.01%
LS LNH 1M	4.0%	

Nguồn: BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC tổng hợp

Mục lục

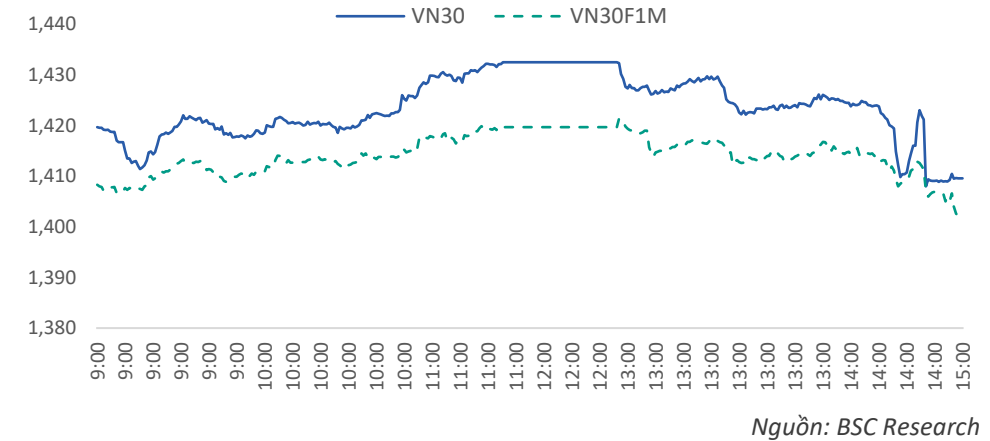
Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7



Mở tài khoản tại BSC

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Nguồn: BSC Research

CK	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2509	1400.10	-0.67%	241	22.3%	9/18/2025	119
VN30F2512	1401.00	-0.74%	72	-67.3%	12/18/2025	210
4111F7000	1407.40	-0.47%	590	-38.3%	7/17/2025	56
VN30F2506	1402.00	-0.88%	216,019	15.8%	6/19/2025	28

Nguồn: FiinproX, BSC Research

Nhận định

- VN30 -9.80 điểm, đóng cửa tại 1409.56 điểm. Biên độ dao động 24.92 điểm. Các cổ phiếu như FPT, VIC, LPB, TCB, MBB tác động tiêu cực đến nhịp vận động của VN30.
- Sức ép tăng dần những phút cuối phiên kéo VN30 đóng cửa dưới tham chiếu. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong những phiên tới trong bối cảnh thanh khoản quanh ngưỡng MA20.
- Các HĐTL đều giảm theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, các HĐTL đều tăng, ngoại trừ VN30F2512, 4111F7000.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết *	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CMBB2507	2/5/2026	259	138,300	-67.22%	2.40	2,840	43.4%	11.16	8.08	24.65	24.65
CTCB2406	6/30/2025	39	19,600	-77.22%	2.80	830	23.9%	5.54	6.95	30.50	30.50
CVHM2506	9/19/2025	120	17,500	-61.66%	5.11	4,200	16.7%	12.61	26.11	68.10	68.10
CMSN2507	10/20/2025	151	147,800	-79.84%	7.80	510	13.3%	5.64	12.90	64.00	64.00
CVHM2504	6/30/2025	39	29,600	-57.90%	4.45	12,110	13.3%	31.84	28.67	68.10	68.10
CVHM2406	7/28/2025	67	366,100	-62.11%	5.00	5,200	13.0%	15.79	25.80	68.10	68.10
CVHM2505	7/21/2025	60	766,500	-62.41%	5.00	4,120	12.9%	12.63	25.60	68.10	68.10
CVHM2409	8/14/2025	84	125,000	-52.57%	4.20	5,620	11.1%	12.79	32.30	68.10	68.10
CVHM2411	6/30/2025	39	47,900	-64.24%	5.06	3,860	10.9%	12.61	24.36	68.10	68.10
CVHM2502	10/27/2025	158	324,800	-53.30%	4.50	5,460	10.8%	12.74	31.80	68.10	68.10
CVHM2507	10/20/2025	151	224,400	-63.31%	5.33	3,930	10.7%	12.57	24.98	68.10	68.10
CVHM2509	12/19/2025	211	135,400	-64.66%	5.67	3,680	10.2%	12.52	24.07	68.10	68.10
CVHM2508	11/19/2025	181	428,500	-64.69%	5.44	3,720	9.7%	12.56	24.04	68.10	68.10
CVHM2408	11/4/2025	166	13,900	-45.20%	3.80	8,380	7.6%	16.10	37.32	68.10	68.10
CMWG2501	6/26/2025	35	551,100	-83.13%	6.20	930	5.7%	11.63	10.85	64.30	64.30
CSHB2501	6/26/2025	35	51,900	-64.75%	0.99	2,080	5.6%	6.91	4.74	13.45	13.45
CMSN2404	7/28/2025	67	1,952,000	-86.47%	7.90	190	5.6%	14.04	8.66	64.00	64.00
CVIC2506	10/20/2025	151	9,800	-50.62%	5.78	7,980	5.1%	17.37	45.68	92.50	92.50
CVPB2506	10/6/2025	137	435,500	-81.86%	2.02	650	4.8%	8.25	3.32	18.30	18.30
CMSN2510	2/23/2026	277	86,400	-75.72%	8.34	720	4.3%	5.60	15.54	64.00	64.00

Chú thích: Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

***:** Đơn vị 1,000 VND
Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

- Trong phiên giao dịch ngày 22/05/2025, các chứng quyền biến động theo nhịp điều chỉnh của cổ phiếu cơ sở.
- CMBB2507 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 43.43%. CSTB2410 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 8.17%.
- CVIC2405, CVIC2502, CVIC2503, CVIC2407, CVHM2408 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVHM2504, CVIC2503, CFPT2402, CVRE2504, CVIC2405 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Nguyen Giang Anh
anhng@bsc.com.vn

Top CP tác động tích cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
VHM	68.10	1.19%	1.17
MSN	64.00	0.63%	0.47
GAS	61.00	1.16%	0.12
SAB	49.65	0.10%	0.01

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top CP tác động tiêu cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
FPT	116.80	-1.27%	-1.68
VIC	92.50	-1.07%	-1.60
LPB	31.90	-2.00%	-1.13
TCB	30.50	-1.29%	-1.13
MBB	24.65	-1.60%	-0.82

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HVN	38.65	6.04%	1.21	2.21
VHM	68.10	1.19%	0.78	4.11
GAS	61.00	1.16%	0.39	2.34
EIB	21.10	4.20%	0.39	1.86
POW	13.60	3.42%	0.25	2.34

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VFS	25.10	4.58%	0.09	0.13
NVB	11.10	0.91%	0.07	1.17
IPA	13.50	3.85%	0.07	0.21
SHS	13.00	0.78%	0.06	0.89
DNP	19.60	2.62%	0.05	0.14

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PET	24.50	6.99%	0.04	4.08
VNE	6.31	6.95%	0.01	0.95
TEG	5.74	6.89%	0.01	0.79
SFC	21.90	6.83%	0.00	0.01
DQC	11.80	6.79%	0.01	0.04

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
L40	55.80	9.84%	0.08	0.03
PTD	5.70	9.62%	0.01	0.00
TMX	11.40	9.62%	0.02	0.00
HLD	13.10	9.17%	0.25	0.21
PIC	25.50	8.51%	0.27	0.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VPL	92.00	-6.12%	-2.36	1.79
VIC	92.50	-1.07%	-0.90	3.88
CTG	38.85	-1.52%	-0.74	5.37
TCB	30.50	-1.29%	-0.65	7.06
MBB	24.65	-1.60%	-0.56	6.10

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSV	179.30	-4.63%	-1.04	0.20
VIF	15.70	-5.42%	-0.19	0.35
HGM	288.00	-7.10%	-0.16	0.01
PVS	26.30	-1.87%	-0.15	0.48
SCG	62.70	-3.83%	-0.13	0.09

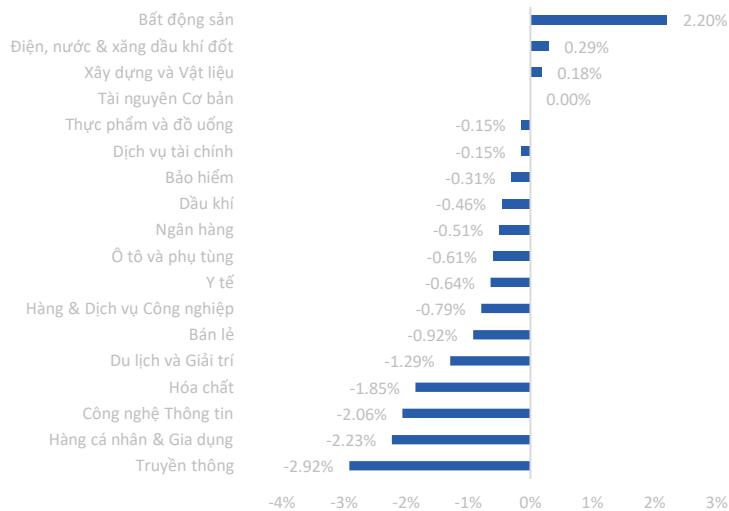
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
DAT	7.82	-6.90%	-0.01	0.02
TNC	29.30	-6.84%	-0.01	0.00
YBM	15.00	-6.83%	0.00	0.03
SRC	23.30	-6.80%	-0.01	0.00
TCD	2.06	-6.79%	-0.01	3.83

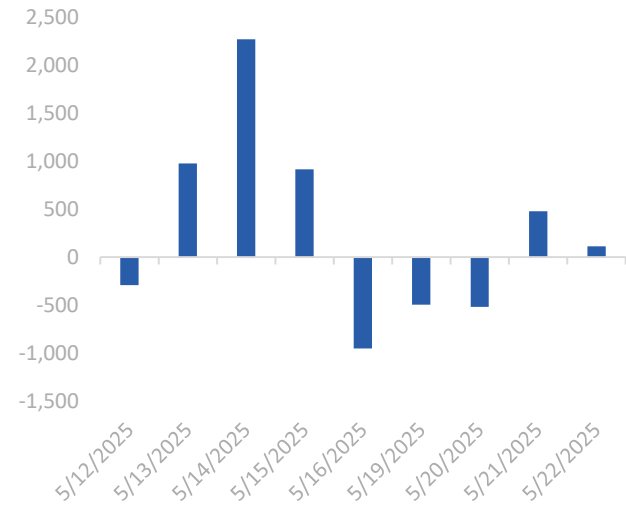
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VMS	20.90	-9.91%	-0.07	0.00
PRC	26.00	-9.72%	-0.03	0.06
SGH	21.70	-9.58%	-0.10	0.00
MVB	20.40	-8.93%	-0.73	0.05
PEN	7.20	-8.86%	-0.01	0.00

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinProX, BSC Research

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	64.3	0.0%	1.4	95,095	604.3	2,981	21.6		47.9%	
KBC	Bất động sản	26.5	0.2%	1.7	20,303	259.6	1,629	16.2		16.9%	
KDH	Bất động sản	28.3	-2.3%	1.2	29,222	55.3	896	32.2		36.1%	
PDR	Bất động sản	16.4	-2.1%	1.7	15,196	120.6	180	92.9	23,600	11.2%	Link
VHM	Bất động sản	68.1	1.2%	1.0	276,429	712.1	7,766	8.7	58,200	11.3%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	116.8	-1.3%	1.1	175,241	1026.9	5,616	21.1	163,000	41.5%	Link
BSR	Dầu khí	17.4	0.9%	0.0	53,329	46.5	(37)	-467.9		0.3%	
PVS	Dầu khí	26.3	-1.9%	1.3	12,809	108.3	2,303	11.6	40,300	15.6%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	25.6	-0.4%	1.8	18,503	289.8	1,394	18.4		39.8%	
SSI	Dịch vụ tài chính	23.4	0.0%	1.5	45,810	651.4	1,546	15.1		34.8%	
VCI	Dịch vụ tài chính	36.5	-1.4%	1.5	26,570	379.6	1,602	23.1		30.5%	
DCM	Hóa chất	33.6	2.0%	1.7	17,444	111.7	2,805	11.8	37,800	4.9%	Link
DGC	Hóa chất	88.8	0.0%	1.5	33,724	139.3	8,224	10.8	108,500	14.9%	Link
ACB	Ngân hàng	25.6	-0.4%	0.8	114,570	539.1	3,708	6.9	30,400	30.0%	Link
BID	Ngân hàng	36.0	-0.6%	1.0	254,173	125.2	3,643	9.9	47,000	17.6%	Link
CTG	Ngân hàng	38.9	-1.5%	0.9	211,846	278.4	4,806	8.2	50,000	27.0%	Link
HDB	Ngân hàng	22.1	-1.6%	0.9	78,289	380.6	3,985	5.6		16.9%	
MBB	Ngân hàng	24.7	-1.6%	0.9	152,862	657.1	4,049	6.2	28,200	23.2%	Link
MSB	Ngân hàng	11.7	-1.7%	1.2	30,810	92.5	2,150	5.5	14,000	27.5%	Link
STB	Ngân hàng	41.1	-1.7%	0.9	78,802	544.9	5,767	7.3		21.1%	
TCB	Ngân hàng	30.5	-1.3%	1.1	218,304	942.3	3,013	10.3	32,700	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	13.3	-1.5%	1.0	35,666	216.9	2,383	5.7	-	22.9%	Link
VCB	Ngân hàng	56.9	-0.4%	0.5	477,109	233.6	4,063	14.1		22.2%	
VIB	Ngân hàng	18.2	-0.3%	0.8	54,220	100.6	2,400	7.6	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	18.3	-0.8%	1.0	146,381	820.8	2,030	9.1	24,000	24.5%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	25.7	-0.4%	1.1	164,703	683.5	1,954	13.2	35,800	22.1%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	16.3	-0.9%	1.5	10,184	122.8	749	21.9	16,800	8.5%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	27.6	-1.1%	1.9	9,337	199.0	3,930	7.1	32,200	2.5%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	64.0	0.6%	1.4	91,479	532.4	1,518	41.9		24.8%	
VNM	Thực phẩm và đồ uống	55.0	-0.7%	0.5	115,784	163.0	4,194	13.2		48.6%	

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	33.2	0.15%	1.9	7,254	39.6	2,098	15.8	18.8%	15.7%	Link
FRT	Bán lẻ	164.6	-1.56%	1.2	22,780	120.6	3,279	51.0	32.6%	24.0%	
BVH	Bảo hiểm	49.5	-1.59%	1.1	37,339	20.7	2,975	16.9	27.0%	9.7%	
DIG	Bất động sản	15.9	0.63%	1.5	9,636	193.0	321	49.2	3.7%	2.5%	
DXG	Bất động sản	16.8	-0.89%	1.5	14,717	237.6	372	45.4	23.5%	2.5%	Link
HDC	Bất động sản	23.1	-0.43%	1.4	4,138	80.4	436	53.2	2.9%	3.4%	
HDG	Bất động sản	25.9	2.37%	1.5	8,509	172.4	839	30.2	20.0%	4.6%	Link
IDC	Bất động sản	40.2	-1.47%	1.4	13,464	115.0	4,982	8.2	16.9%	31.2%	
NLG	Bất động sản	34.4	-0.15%	1.6	13,266	94.3	1,827	18.9	42.2%	7.4%	Link
SIP	Bất động sản	65.0	-1.66%	0.0	13,916	32.1	6,076	10.9	4.7%	29.7%	
SZC	Bất động sản	33.2	1.07%	1.7	5,904	69.9	2,036	16.1	2.3%	11.8%	Link
TCH	Bất động sản	18.3	0.27%	1.7	12,162	268.0	1,279	14.2	9.8%	9.1%	Link
VIC	Bất động sản	92.5	-1.07%	1.1	357,512	625.4	2,823	33.1	7.8%	8.0%	
VRE	Bất động sản	25.4	-1.55%	1.2	58,512	355.0	1,844	14.0	18.9%	10.1%	
CMG	Công nghệ Thông tin	33.2	-3.07%	1.2	7,237	54.8	1,654	20.7	36.3%	12.5%	
PLX	Dầu khí	34.8	-1.42%	1.0	44,852	28.4	1,535	23.0	17.3%	7.6%	Link
PVD	Dầu khí	18.1	-1.36%	1.4	10,200	163.3	1,246	14.7	7.6%	4.4%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	34.8	-0.57%	2.0	11,778	113.9	1,650	21.2	27.8%	13.7%	
MBS	Dịch vụ tài chính	26.9	-0.74%	1.8	15,522	156.9	1,650	16.4	6.9%	12.9%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	61.0	1.16%	0.8	141,263	46.5	4,543	13.3	1.7%	17.0%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	13.6	3.42%	1.0	30,796	326.5	546	24.1	3.7%	4.0%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	70.6	-1.67%	1.0	33,819	56.6	4,511	15.9	49.0%	11.4%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	87.2	-1.25%	0.6	47,824	73.4	2,783	31.7	12.4%	8.9%	
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	32.0	-1.54%	1.7	29,328	1291.4	1,954	16.6	8.8%	12.8%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	53.1	-3.10%	1.2	23,027	144.3	3,797	14.4	39.9%	11.9%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	76.1	0.93%	1.3	9,794	213.5	5,594	13.5	12.2%	25.8%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	21.7	-0.23%	1.4	7,743	59.1	3,026	7.2	10.7%	14.2%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	109.0	-3.96%	0.0	13,822	121.2	3,235	35.1	6.3%	24.9%	
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	78.9	-2.23%	1.0	27,269	82.9	6,105	13.2	48.9%	18.6%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	30.2	-0.99%	1.0	3,101	35.8	2,869	10.6	49.7%	13.2%	
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	17.0	0.59%	1.3	2,072	7.2	2,580	6.6	16.4%	17.0%	Link
DPM	Hóa chất	33.4	0.00%	1.4	13,071	96.3	1,223	27.3	9.0%	4.3%	Link
GVR	Hóa chất	26.9	-1.65%	2.2	109,200	101.1	1,174	23.2	0.8%	8.9%	
EIB	Ngân hàng	21.1	4.20%	1.0	37,720	835.0	1,856	10.9	4.0%	14.0%	Link
LPB	Ngân hàng	31.9	-2.00%	0.7	97,236	99.4	3,333	9.8	0.8%	23.7%	
NAB	Ngân hàng	17.1	0.00%	0.0	23,402	64.2	2,809	6.1	1.8%	20.4%	
OCB	Ngân hàng	10.8	-0.92%	1.0	26,754	24.8	1,189	9.1	19.2%	9.4%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	12.7	0.79%	1.4	5,639	127.3	1,122	11.2	5.0%	5.9%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	14.8	-2.31%	1.6	4,034	17.0	612	24.8	0.6%	5.7%	
BAF	Thực phẩm và đồ uống	35.3	-0.70%	0.8	10,808	193.3	1,432	24.8	2.9%	12.2%	
SAB	Thực phẩm và đồ uống	49.7	0.10%	1.2	63,615	42.8	3,217	15.4	59.2%	17.2%	
VHC	Thực phẩm và đồ uống	53.1	-1.30%	1.4	12,076	48.8	5,567	9.7	22.7%	14.4%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	138.0	-2.95%	1.0	11,641	52.3	13,288	10.7	85.8%	38.6%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	78.2	-0.76%	1.4	7,874	93.3	3,238	24.3	47.9%	3.7%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	90.7	-4.02%	1.6	10,809	96.3	4,754	19.9	8.6%	29.3%	
DPG	Xây dựng và Vật liệu	61.0	5.17%	1.5	3,654	140.0	3,738	15.5	8.5%	12.2%	
HHV	Xây dựng và Vật liệu	12.3	-1.61%	1.5	5,898	104.5	1,098	11.3	7.9%	5.2%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	22.1	0.23%	1.5	7,868	42.4	1,237	17.8	16.5%	8.1%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	23.0	-1.71%	1.5	13,977	325.1	988	23.6	7.2%	7.4%	
VGC	Xây dựng và Vật liệu	44.5	0.34%	1.6	19,862	52.3	2,720	16.3	5.8%	14.6%	

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
2	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
3	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
4	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_Thương chiến 2.0	x		Click
5	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
6	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
7	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
8	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
9	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
10	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
11	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
12	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
13	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
14	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
15	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
16	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
17	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
18	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
19	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2024_VN_Cơ hội vượt lên thách thức		x	Click
20	Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2024		x	Click
21	Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2024		x	Click
22	Vietnam Sector Outlook_VN_1Q2024		x	Click
23	Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2024		x	Click
24	BSC_Báo cáo ngành điện		x	Click
25	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2023	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long
Giám đốc Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh
Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(024) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(024) 39264 659

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn
(024) 39264 660

Website: <http://www.bsc.com.vn>